



zì zhuàn

自 传

noun · autobiography

Example Sentences

Tā xiě le yī běn zì zhuàn

他写了一本自 传。

He wrote an autobiography.

Zhè běn zì zhuàn jì lù le tā nián qīng shí de jīng lì

这本自 传 记录了他年 轻时的经历。

This autobiography records his experiences when he was young.

Trace each character, then write the word on your own.

自 自 自 自 自 自 自 自 自

传 传 传 传 传 传 传 传 传